Ký bởi: Hội đồng nhân dân huyện Nguyên Bình
Cơ quan: Tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /NQ-HĐND	*Nguyên Bình, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Nguyên Bình (lần 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 77 /TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Nguyên Bình (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 huyện Nguyên Bình (lần 2) như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức (Huyện bố trí):

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022 của 05 dự án với số vốn 660,633 triệu đồng;

b) Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2022 của 03 dự án với số vốn 660,633 triệu đồng.

2. Bổ sung Vốn tăng thu ngân sách địa phương 2021 cho 01 dự án với số vốn 1.170,789 triệu đồng.

3. Điều chỉnh danh mục các công trình vốn Ngân sách địa phương (Tỉnh bố trí) năm 2022 như sau:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2022 của 03 dự án với số vốn 8.700 triệu đồng;

b) Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2022 của 03 dự án với số vốn 8.700 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết như trong biểu kèm theo)

4. Các nội dung khác về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 không điều chỉnh thực hiện theo các Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Nguyên Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình

1. Căn cứ Nghị quyết này thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022.

2. Chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư triển khai thực hiện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2022 của các dự án do huyện bố trí vốn theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, hai Ban Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nguyên Bình khóa XX kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Mặt trận Tổ quốc huyện;
- HĐND&UBND các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các phòng ban, ngành, LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH

Đinh Ngọc Lang

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 2)

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 10/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Nguyên Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao từ khởi công đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022 (tại NQ số 69 ngày 17/12/2021; NQ số 03 ngày 22/3/2022)	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Giảm	Tăng		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
	TỔNG SỐ		**34.478,394**	**34.478,394**	**8.163,654**	**8.163,654**	**8.249,214**	**660,633**	**1.831,422**	**9.420,003**	
A	**Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí, định mức**		**27.878,394**	**27.878,394**	**8.163,654**	**8.163,654**	**8.249,214**	**660,633**	**660,633**	**8.249,214**	
A1	**Huyện bố trí**		**27.878,394**	**27.878,394**	**8.163,654**	**8.163,654**	**8.249,214**	**660,633**	**660,633**	**8.249,214**	
A1.1	**Cân đối ngân sách địa phương phân cấp**		**21.482,394**	**21.482,394**	**5.000,000**	**5.000,000**	**5.422,814**	**503,629**	**503,629**	**5.422,814**	
I	**Giao thông**		**7.592,394**	**7.592,394**	**5.000,000**	**5.000,000**	**2.088,765**	**91,808**	**503,629**	**2.500,586**	
(1)	**Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2022**		**7.088,765**	**7.088,765**	**5.000,000**	**5.000,000**	**2.088,765**	**91,808**	**0,000**	**1.996,957**	
c	*Dự án nhóm C*										
1	Đường bờ sông Thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình	3188/UBND huyện ngày 24/12/2020	7.088,765	7.088,765	5.000,000	5.000,000	2.088,765	91,808		1.996,957	
(2)	**Danh mục dự án khởi công mới năm 2022**		**503,629**	**503,629**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**503,629**	**503,629**	
c	*Dự án nhóm C*										
1	Giải phóng mặt bằng chợ thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình		503,629	503,629			0,000		503,629	503,629	
II	**Thương mại**		**13.890,000**	**13.890,000**	**0,000**	**0,000**	**3.334,049**	**411,821**	**0,000**	**2.922,228**	
(1)	**Danh mục dự án khởi công mới năm 2022**		**13.890,000**	**13.890,000**	**0,000**	**0,000**	**3.334,049**	**411,821**	**0,000**	**2.922,228**	
c	*Dự án nhóm C*									0,000	
1	Chợ trung tâm Phia Đén, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng		13.890,000	13.890,000			3.334,049	411,821		2.922,228	
A2.2	**Đầu tư cơ sở hạ tầng xã An toàn khu**		**6.396,000**	**6.396,000**	**3.163,654**	**3.163,654**	**2.826,400**	**157,004**	**157,004**	**2.826,400**	
I	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**		**1.421,000**	**1.421,000**	**339,941**	**339,941**	**756,455**	**0,000**	**153,469**	**909,924**	
(1)	**Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2022**		**1.421,000**	**1.421,000**	**339,941**	**339,941**	**756,455**	**0,000**	**153,469**	**909,924**	
c	*Dự án nhóm C*									0,000	
1	Mương thoát lũ Bản Ính - Thẳm Cấm, xã Minh Tâm	3354/UBND huyện ngày 31/12/2020	1.421,000	1.421,000	339,941	339,941	756,455		153,469	909,924	
II	**Giao thông**		**3.825,000**	**3.825,000**	**2.755,054**	**2.755,054**	**1.069,945**	**157,004**	**0,000**	**912,941**	
(1)	**Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2022**		**3.825,000**	**3.825,000**	**2.755,054**	**2.755,054**	**1.069,945**	**157,004**	**0,000**	**912,941**	
c	*Dự án nhóm C*									0,000	
1	Đường GTNT Nà Luộc - Khuổi Lếch (khu căn cứ chiến đấu), xóm Đoàn Kết, xã Vũ Minh	3189/UBND huyện ngày 24/12/2020	1.024,000	1.024,000	483,334	483,334	540,666	59,875		480,791	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giao từ khởi công đến hết năm 2021		Kế hoạch năm 2022 (tại NQ số 69 ngày 17/12/2021; NQ số 03 ngày 22/3/2022)	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Giảm	Tăng		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
2	Đường BTXM vào khu di tích Bác Hồ đến thăm, thị trấn Tĩnh Túc	3175[a]/UBND huyện ngày 23/12/2020	1.200,000	1.200,000	1.084,603	1.084,603	115,397	9,194		106,203	
3	Đường GTNT Khuổi Tông - Khau Khác (đoạn Khau Khít - Khau Khác), xã Triệu Nguyên	3157[a]/UBND huyện ngày 22/12/2020	1.601,000	1.601,000	1.187,117	1.187,117	413,882	87,935		325,946555	
III	**Cấp nước, thoát nước**		**1.150,000**	**1.150,000**	**68,659**	**68,659**	**1.000,000**	**0,000**	**3,535**	**1.003,535**	
(1)	**Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2022**		**1.150,000**	**1.150,000**	**68,659**	**68,659**	**1.000,000**	**0,000**	**3,535**	**1.003,535**	
c	*Dự án nhóm C*									0,000	
1	Xây dựng mới hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực UBND xã Tam Kim	3156/UBND huyện ngày 22/12/2020	1.150,000	1.150,000	68,659	68,659	1.000,000		3,535	1.003,535	
B	**Vốn tăng thu ngân sách địa phương 2021**		**6.600,000**	**6.600,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**1.170,789**	**1.170,789**	
I	**Bố trí vốn cho các dự án đầu tư công**		**6.600,000**	**6.600,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**1.170,789**	**1.170,789**	
I	**Giao thông**		**6.600,000**	**6.600,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**1.170,789**	**1.170,789**	
(1)	**Danh mục dự án chuyển tiếp sang năm 2022**		**6.600,000**	**6.600,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**0,000**	**1.170,789**	**1.170,789**	
c	*Dự án nhóm C*										
1	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư công trình: Đường và Cầu nối giữa Bờ Bắc - Bờ Nam thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình		6.600,000	6.600,000			0,000		1.170,789	1.170,789	Thời gian thực hiện: 2021-2023

Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH BỐ TRÍ) NĂM 2022

(Biểu kèm theo Nghị quyết số: 10 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Nguyên Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2022 (Tại NQ số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2022)	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
						Giảm	Tăng		
	Tổng cộng:				**9.950**	**8.700**	**8.700**	**9.950**	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường Síu Đô - Lao Kiêu, xóm Lũng Kèng xã Vũ Minh	Xã Vũ Minh	2022-2023	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	2.900	2.900		0	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ đầu cầu UBND xã đến Nà Hoăng xóm Nà Khoang, xã Vũ Minh	Xã Vũ Minh	2022-2023	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước			2.900	2.900	
3	Cải tạo, nâng cấp đường từ đầu cầu Pác Măn đến cầu Vạ Riệc, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình. Lý trình: Km0+600 ÷ cầu Vạ Riệc	TT. Nguyên Bình	2022-2023	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	2.900	2.900		0	
4	Cải tạo, nâng cấp đường từ đầu cầu Pác Măn đến cầu Vạ Riệc, thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình. Lý trình: Km0+00 ÷ Km0+600	TT. Nguyên Bình	2022-2023	Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	2.900	2.900		0	
5	Cải tạo, nâng cấp Đường xuống Trạm Y tế thị trấn Tĩnh Túc	Thị trấn Tĩnh Túc	2022-2023	Bê tông mặt đường, lề, hộ lan, kè taluy âm	1.250		850	2.100	
6	Chợ trung tâm Phia Đén, xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	Thành Công	2022-2024		0		4.950	4.950	